

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 01– 4 – 2019  
(V/v tranh chấp  
không công nhận vợ chồng)

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu.  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Dân;  
Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Hoàng Thoại C, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, đường T, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**Bị đơn:** Chị Trần Cẩm H, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú tại nhà không số, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019, tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 cũng như được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Hoàng Thoại C trình bày: Anh và chị Trần Cẩm H sống chung như vợ chồng vào tháng 02/2017, không đăng ký kết hôn, không tổ chức cưới gả theo phong tục. Sống chung với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh và chị H đã không còn sống chung hơn một năm nay. Nay tình cảm không còn, anh C yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/10/2017. Con chung hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về Tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Anh khai anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị

\* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/02/2019 cũng như được bổ sung tại phiên tòa chị Trần Cẩm H trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, cũng như việc anh, chị không đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của anh C. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị và anh C đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/10/2017. Con chung hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về Tài sản chung: Không có.

Về Nợ chung: Anh, chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Chị Trần Cẩm H và anh Hoàng Thoại C chung sống với nhau năm 2017 không đăng kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Anh C yêu cầu không công nhận anh và chị H là vợ chồng. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Anh C và chị H chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Nay anh C yêu cầu không công nhận anh và chị H là vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh C.

[3] Về con chung Có 01 con chung tên Trần Hoàng Bảo A, sinh ngày 23/10/2017. Con chung hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn anh C và chị H thống nhất tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng từ ngày 01/4/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đây là sự thỏa thuận phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị H thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị H không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 28, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của anh Hoàng Thoại C và chị Trần Cẩm H là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Thoại C và chị Trần Cẩm H về việc tiếp tục giao con chung tên Trần Hoàng Bảo A sinh ngày 23/10/2017 cho chị Trần Cẩm H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Thoại C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Trần Hoàng Bảo A sinh ngày 23/10/2017, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ ngày 01/4/2019 cho đến khi con chung Trần Hoàng Bảo A đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Thoại C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Trần Cẩm H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hoàng Thoại C không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), anh Hoàng Thoại C phải nộp. Ngày 16/01/2019 anh Hoàng Thoại C đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0001968 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu. Anh Hoàng Thoại C tiếp tục phải nộp án phí số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Phan Thị Thu**